

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12- 8 -2022.

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hòe

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12-8-2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26-7-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bé Thị N (Bé Thị P), sinh năm 1971, có mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Đồng Văn H, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Bé Thị N trình bày: Chị chung sống với anh Đồng Văn H từ tháng 02/2000, thời gian sống chung chị và anh Hsinh sống tại Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q hoặc ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Trong thời gian sống chung, cuộc sống vợ chồng bình thường, khoảng năm 2011 do anh H bị bệnh phải đi điều trị, kể từ đây cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không còn có sự quan tâm đối với chị trong cuộc sống, vợ chồng mất niềm tin đối với nhau, không còn tôn trọng nhau, nhiều lần anh H có hành vi đánh đập đối với chị. Hiện nay chị N cảm thấy không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh H được nữa, do vậy chị vẫn giữ nguyên yêu

cầu khởi kiện, do không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, giữa chị và anh H có 01 con chung là Đồng Văn Minh Tâm, sinh ngày 18-10-2002, do con đã thành niên nên chị không có ý kiến gì về việc nuôi con hay cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu Tòa án chia một số tài sản chung giữa chị và anh H trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên sau đó chị xin rút đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Ý kiến bị đơn anh Đồng Văn H trình bày: Anh chung sống với chị Bé Thị N kể từ tháng 02/2002, trước khi chung sống anh và chị N không tìm hiểu nhau, thời gian sống chung anh và chị N sinh sống tại xã Q, huyện Đ nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng bình thường đến khoảng năm 2014 do anh bị sỏi thận và thoái hóa cột sống phải đi mổ điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh ba lần, kể từ đây cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sức khỏe của anh giảm sút nên không thể làm rẫy nương, hiện nay anh và chị N vẫn sống chung với nhau, nay chị N yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị N là vợ chồng, nguyện vọng của anh mong muốn được đoàn tụ gia đình, trường hợp chị N vẫn cương quyết, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh và chị N có 01 con chung như chị N trình bày, do con đã thành niên nên anh không yêu cầu, đề nghị gì.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sau này anh hoặc chị N sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bé Thị N và anh Đồng Văn H là vợ chồng; về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung giữa chị Bé Thị N và anh Đồng Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Đồng Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk

Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về việc không công nhận quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị N và anh Đồng Văn H chung sống với nhau kể từ tháng 02/2000 cho đến nay tại Thôn 7, xã Q, huyện Đ tỉnh Đắk Nông nhưng không đăng ký kết hôn. Tại đơn xác nhận ngày 25-5-2022 của Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện chị Bé Thị N chưa đăng ký kết hôn với ai, việc chưa đăng ký kết hôn trong thời gian sống chung chị N và anh H đều thừa nhận. Xét quá trình sống chung cuộc sống giữa chị N và anh H hạnh phúc đến khoảng năm 2013 -2014 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, tôn trọng nhau, hiện nay chị N và anh H đã sống ly thân. Xét do chị N và anh H sống chung với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, nay chị N có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bé Thị N và anh Đồng Văn H là phù hợp.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Đồng Văn Minh Tâm, sinh năm 2002, con chung đã trưởng thành, cả chị N và anh H không yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị N yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh H trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên sau đó chị rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có yêu cầu thì khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị N đối với anh Đồng Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bé Thị N và anh Đồng Văn H.

1.2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

1.3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Bé Thị N với anh Đồng Văn H.

2. Về án phí: Nguyên đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

